

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/DSST
Ngày: 22-3-2018.
V/v Tranh chấp hợp đồng
Góp hụi và vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Văn Lộc

Ông Mai Trần Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân Hồng Vinh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2018/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1975

Địa chỉ: tổ 11, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1975; vắng mặt

Ông Đặng Văn T, sinh năm 1972; có mặt

Cùng địa chỉ: tổ 10, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2018 cùng các lời khai tại tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Bà Lê Thị Ngọc H (nguyên đơn) trình bày:

Bà có làm hụi thảo và bà Huỳnh Thị T, ông Đặng Văn T có chơi của bà các dây hụi như sau:

Dây thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, tháng khui một lần, khui vào ngày 05/02/2016 AL đến ngày 05/01/2018 hụi mãn, hụi gồm 25 phần, bà T tham gia 01 phần hụi và hốt lần thứ 8 ngày 05/10/2016 (AL), kê 200.000 đồng, trừ hụi thảo 500.000 đồng hốt được tất cả 20.300.000 đồng, sau đó đóng lại 10 lần hụi chết số tiền 10.000.000 đồng, sau đó ngưng đóng từ tháng 08/2017, đến nay còn 06 lần số tiền 6.000.000 đồng hụi đã mãn.

Dây thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, tháng khui một lần, khui vào ngày 12/08/2016 AL đến ngày 12/09/2018 hụi mãn, hụi gồm 27 phần, bà T tham gia 01 phần hụi và hốt vào ngày 12/7/2017 (AL), kê 200.000 đồng, trừ hụi thảo 500.000 đồng hốt được tất cả 22.700.000 đồng, sau đó không đóng lại hụi chết, ngưng đóng từ tháng 08/2017, đến nay còn 14 lần số tiền 14.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng, tháng khui một lần, khui vào ngày 15/06/2016 AL đến ngày 15/05/2018 hụi mãn, hụi gồm 25 phần, bà T tham gia 01 phần hụi và hốt ngày 15/04/2017 (AL), kê 200.000 đồng, trừ hụi thảo 5.000.000 đồng hốt 01 phần được tất cả 20.700.000 đồng, sau đó đóng lại 04 lần hụi chết số tiền 4.000.000 đồng, sau đó ngưng đóng từ tháng 08/2017, đến nay còn 10 lần số tiền 10.000.000 đồng.

Dây thứ tư: Hụi 1.000.000 đồng, tháng khui một lần, khui vào ngày 09/02/2017 AL đến ngày 09/01/2019 hụi mãn, hụi gồm 25 phần, bà T tham gia 01 chân hụi và hốt lần thứ 04 ngày 09/6/2017 (AL), kê 270.000 đồng, trừ hụi thảo 500.000 đồng hốt 01 phần được tất cả 18.100.000 đồng, sau đó đóng lại 01 lần hụi chết số tiền 1.000.000 đồng, sau đó ngưng đóng từ tháng 08/2017, đến nay còn 18 lần số tiền 18.000.000 đồng.

Dây thứ năm: Hụi 1.000.000 đồng, tháng khui một lần, khui vào ngày 10/03/2017 AL đến ngày 10/02/2019 hụi mãn, hụi gồm 25 phần, bà T tham gia 01 chân hụi và hốt lần thứ 06 ngày 10/6/2017 (AL), kê 200.000 đồng, trừ hụi thảo 500.000 đồng hốt 01 phần được tất cả 19.300.000 đồng, sau đó đóng lại 01 lần hụi chết số tiền 1.000.000 đồng, sau đó ngưng đóng từ tháng 08/2017, đến nay còn 19 lần số tiền 19.000.000 đồng.

Vào ngày 03/07/2016 AL bà T vay bà số tiền 30.000.000 đồng, bà T có viết giấy nợ và ký tên. Khi vay hai bên thỏa thuận khi nào bà cần thì báo bà T trả lại, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, mỗi tháng đóng 900.000 đồng, đóng từ khi vay cho đến

tháng 07/2017 AL thì ngưng, từ tháng 08/2017 đến nay bà T không đóng lãi và cũng không trả tiền gốc cho bà, bà có đến nhà đòi tiền hụi và tiền vay nhưng không gặp bà T, bà có gặp ông T thì ông T nói chờ bà T về chứ ông T không biết chuyện gì.

Tổng số tiền hụi bà T còn nợ bà là 67.000.000 đồng, tiền vay là 30.000.000 đồng, tổng hai khoản là 97.000.000 đồng.

Nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh buộc bà Huỳnh Thị T và ông Đặng Văn T trả số tiền hụi và tiền vay là 97.000.000 đồng, không tính lãi.

Về án phí: Yêu cầu bà T, ông T chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại tòa hôm nay bà đồng ý tiền lãi bà nhận tính lại là 0,75%/tháng nếu còn dư ra khấu trừ vào tiền vay gốc.

Bà Lê Thị Ngọc H đã nộp cho Tòa án: Bản sao chứng minh nhân dân; Bản sao hộ khẩu; Bản sao danh sách hụi viên; Bản chính giấy bà T mượn tiền.

Bị đơn Ông Đặng Văn T trình bày:

Ông là chồng của bà Huỳnh Thị T, vợ chồng ông chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Do làm ăn lỗ lã nên tháng 07/2017 (AL) bà T bỏ nhà đi đâu không biết, bà T có điện thoại về báo gia đình bỏ đi làm có tiền trả nợ hết mới về, gia đình đừng đi tìm nữa. Việc bà T chơi hụi và vay mượn của ai ông không biết, hàng ngày ông làm nghề trồng nấm rơm, mỗi khi làm ăn lời ông có đem tiền về nhà cho vợ ông, khi ông thiếu tiền làm ăn thì ông hỏi vợ ông đưa tiền nhưng ông không biết tiền đó là tiền vay hay tiền hụi.

Nay bà H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh buộc vợ chồng ông trả số tiền hụi và tiền vay là 97.000.000 đồng, không tính lãi, ông đồng ý trả số tiền hụi và tiền vay trên cho bà H với điều kiện bà T phải về để đối chứng việc chơi hụi và việc vay mượn này. Hiện nay bà T đã bỏ đi đâu ông không biết, gia đình không liên lạc được với bà T. Ông không biết việc bà T chơi hụi và vay của bà H, ông có thấy bà H vào gom tiền chứ không biết tiền gì.

Bị đơn Bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà T vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án. Đồng thời không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 474, 476, 479 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H, bà Triệu, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn là ông T có mặt, bà T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về tiền hụi và tiền vay: Bà H yêu cầu ông T, bà T trả tổng cộng hai khoảng số tiền 97.000.000 đồng không tính lãi suất; Trong đó tiền hụi 67.000.000 đồng, tiền vay 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại các danh sách hụi mở 1.000.000 đồng/tháng kê 01 lần bà T tham gia như sau:

Ngày 05/02/2016 AL hui mãi ngày 05/01/2018 hui 1.000.000 đồng/tháng gồm có 25 phần, bà T tham gia 01 phần hót lần thứ 8 đóng đến tháng 7/2017, ngưng đóng từ tháng 8/2017 còn 06 lần số tiền 6.000.000 đồng, hui đã mãi.

Ngày 12/8/2016Al hui mãi ngày 12/9/2018 AL hui 1.000.000 đồng/tháng gồm có 27 phần, bà T tham gia 01 phần hót ngày 12/7/2017 xong đóng đến tháng 7 hui còn 14 lần số tiền 14.000.000 đồng, ngưng đóng từ tháng 8/2017 (06 tháng) số tiền 6.000.000 đồng còn 08 lần chưa đến ngày đóng hui)

Ngày 15/6/2016AL mãi hui ngày 15/5/2018AL hui 1.000.000 đồng/tháng gồm có 25 phần, bà T tham gia 01 phần hót xong đóng hui chết đến tháng 7/2017 còn 10 lần số tiền 10.000.000 đồng, ngưng đóng từ tháng 8/2017 (06 tháng) số tiền 6.000.000 đồng còn đóng chưa đến ngày 04 lần số tiền 4.000.000 đồng.

Ngày 09/02/2017AL mãi hui ngày 09/01/2019 AL, hui 1.000.000 đồng/tháng gồm có 25 phần bà T tham gia 01 phần hót xong đóng hui chết đến tháng 7 cò 18 lần, ngưng đóng từ tháng 8/2017 (06 tháng 6.000.000 đồng chưa đến ngày đóng 12 lần số tiền 12.000.000 đồng).

Ngày 10/3/2017AL mãi hui ngày 10/02/2019, hui 1.000.000 đồng/tháng gồm có 25 phần, bà T tham gia 01 phần hót xong đóng 01 lần (tháng7) còn 19 lần số tiền 19.000.000 đồng, ngưng đóng từ tháng 8/2017 (06 tháng 6.000.000 đồng còn 13 lần chưa đến ngày đóng 13.000.000 đồng. Như vậy bà T đã không thực hiện nghĩa vụ đóng hui hàng tháng đối với 05 dây hui số tiền chưa đóng bà H đóng thay là 30.000.000 đồng, còn lại 37.000.000 đồng chưa đến ngày thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 67.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận, nhưng đối với số tiền 37.000.000 đồng chưa đến ngày thanh toán thì bà T, ông T trả vào ngày mở hui hàng tháng số tiền 05 phần hui là 5.000.000 đồng (Một phần hui 1.000.000 đồng) cho bà H cho đến khi hui mãi.

Về tiền vay nợ gốc: Bà H yêu cầu ông T, bà T trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy vay tiền ngày 03/7/2016 Al thì bà H có cho bà T vay số tiền 30.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận khi nào bà H cần thì thông báo cho bà T thanh toán. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và bà H đã thông báo cho bà T, ông T trả số tiền nêu trên nhưng ông T, bà H không thực hiện nên bà H yêu cầu ông T, bà T trả số tiền vay 30.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về tiền lãi: Bà H yêu cầu ông T, bà T trả gốc không tính lãi, nhưng bà H khai đã nhận của bà T tiền lãi 13 tháng số tiền 11.700.000 đồng (lãi suất 3%/tháng từ tháng 8 năm 2016Al đến tháng 7/2017Al). Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy vay tiền ngày 03/7/2016 AL thì giữa bà H và bà T có thỏa thuận về tiền lãi suất là 3%/tháng nhưng tại phiên tòa bà H không yêu cầu tính lãi, nhưng bà H xác định đã nhận của bà T số tiền 11.700.000 đồng tiền lãi là vượt quá quy định của pháp luật. Tại tòa bà H yêu cầu tính lãi đã nhận là 0,75%/tháng(tương đương 9%/năm) tiền lãi 13 tháng là 2.925.000 đồng còn dư ra số tiền 8.775.000 đồng bà H phải trả lại cho bà T, ông T nhưng được trừ vào nợ gốc là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3] Bị đơn Bà Huỳnh Thị T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến về tiền hui, tiền vay nợ gốc và lãi suất nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Bị đơn Ông Đặng Văn T (chồng Bà T) xác định bà T chơi hui và vay tài sản thiếu của bà H bao nhiêu tiền ông không biết, vì bà T đã bỏ nhà đi do làm ăn bị thua lỗ dẫn đến nợ nần, ông đồng ý trả tiền cho bà H nhưng phải có mặt bà T để đối chứng số tiền hui và tiền vay của bà H. Ông T xác định ông làm nắm rơm không có tiền thì kêu bà T đưa tiền nhưng ông không biết tiền đâu bà T có, như vậy việc Bà T tham gia chơi hui và vay tiền của bà H ông T không trực tiếp chơi hui và vay tiền nhưng bà T vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ với bà T là hợp lý.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 471; 474, 476 và Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử buộc bà T, ông T trả cho bà H số tiền 88.225.000 đồng; trong đó tiền vay 21.225.000 đồng, tiền hui 67.000.000 đồng.

[4] Về thời hạn thanh toán: Bà H yêu cầu bà T, ông T thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đối với tiền vay và tiền hui đã qua chưa đóng, còn tiền hui chưa đến ngày thì bà T, ông T thanh toán hàng tháng 4.000.000 đồng theo ngày mở hui cho đến khi hui mãn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đặng Văn T, bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471; 474, 476 và Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị T và ông Đặng Văn T trả cho bà Lê Thị Ngọc H số tiền 88.225.000 (Tám mươi tám triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng; trong đó tiền vay 21.225.000 (Hai mươi một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, tiền hội 67.000.000 (Sáu mươi bảy triệu) đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền 51.225.000 (Năm mươi một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, còn lại số tiền 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng tiền hội chưa đến ngày thì bà T, ông T thanh toán hàng tháng số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng theo ngày mở hội cho đến khi hội mãn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T, ông Đặng Văn T phải chịu 4.411.250 (Bốn triệu bốn trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H được nhận lại số tiền là 2.425.000 (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018688 ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND H Châu Thành;
- THADS H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Thị Hương